

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương C, sinh năm 1980 (có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ B, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: KP.8, Phường L, thị xã T, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2022. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông B chung sống vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống chúng tôi đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hòa hợp nhưng cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất

đồng quan điểm, thương hay cãi vã xô xát nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay bà C thấy cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ T, sinh ngày 03/02/2012 và Đỗ T1, sinh ngày 26/7/2019. Bà C yêu cầu giao cả 02 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà C không có yêu cầu gì khác

Tại buổi hòa giải ngày 06/12/2022 và bản tự khai đề ngày 14/12/2022 bị đơn ông Đỗ B trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà Trương C về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông B không thống nhất. Ông B cho rằng vợ chồng ai cũng mầu thuẫn, gia đình nào cũng có chuyện. Ông B xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã xô xát nhau thường xuyên do công việc làm ăn ông B phải đi tiếp khách nên hay về muộn không lo chu đáo cho gia đình. Từ khi vợ bà C nộp đơn ly hôn ông B đã cố gắng thay đổi và phụ giúp thêm cho gia đình. Ông B rất có thiện chí vợ chồng hàn gắn lo cho con cái và bà C rút đơn về. Bà C có nguyện vọng như thế nào ông B cũng sẽ cam kết thực hiện cho bà C vui lòng. Tại buổi hòa giải ngày 06/12/2022 ông B cam kết con cái ông B sẽ có trách nhiệm như ông B đã thỏa thuận riêng với vợ, các mối quan hệ của ông B về làm ăn, quan hệ xã hội của ông B, bà C sẽ không can thiệp và ngược lại quan hệ công việc, xã hội, bạn bè của bà C thì ông B cũng không can thiệp. Riêng đối với việc chăm lo cho con cái hai bên phải có trách nhiệm làm tròn bốn phận làm cha, làm mẹ. Còn việc bà C hoặc ông B đi đâu cũng phải báo cho nhau biết để khi gia đình họ hàng hai bên và con cái có xảy ra chuyện gì còn thông báo cho nhau được biết để lo liệu. Ông B mong bà C rút đơn và hòa giải không ly hôn

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập ông B làm việc, ghi nhận ý kiến nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận ý kiến ông B được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Trương C không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Đỗ B vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án

đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà C và ông B chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Trương C được ly hôn với ông Đỗ B.

Về con chung: Bà C đề nghị giao cả 02 con chung tên Đỗ T, sinh ngày 03/02/2012 và Đỗ T1, sinh ngày 26/7/2019 cho ông B nuôi dưỡng, ông B không có ý kiến gì. Ông B là lao động có thu nhập, điều kiện kinh tế khá giả đủ điều kiện nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao 02 con chung cho ông Đỗ B trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trương C, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Đỗ B có nơi cư trú tại khu phố 8, P. L, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông Đỗ B đã được tổng đạt hợp lệ quyết

định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà Trương C và ông Đỗ B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND thị trấn C, huyện T (nay là P. L, thị xã C), tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà C cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thương hay cãi vã xô xát nhau, không tìm được tiếng nói chung không cuộc sống. Tại phiên tòa bà C xác định vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm với nhau. Ông B không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án ông B thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cãi vã xô xát nhau thường xuyên. Ông B có nguyện vọng bà C rút đơn và không ly hôn. Tuy nhiên, bà C không đồng ý phương án hòa giải và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết cho bà được ly hôn. Đồng thời sau ngày 06/12/2022 Tòa án tiếp tục tổ chức hòa giải cho vợ chồng ông bà nhưng ông B vắng mặt không lý do. Hiện nay bà C kiên quyết ly hôn. Xét thấy, giữa bà C và ông B thường xảy ra mâu thuẫn, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà C, cho bà C được ly hôn với ông B

[6] Về con chung: Quá trình chung sống bà C, ông B có 02 con chung tên Đỗ T, sinh ngày 03/02/2012 và Đỗ T1, sinh ngày 26/7/2019. Bà C đề nghị giao cả 02 con chung cho ông B nuôi, ông B không có ý kiến gì. Xét thấy tại biên bản xác minh ngày 17/3/2023 tại địa phương xác định hiện nay ông B là lao động có thu nhập, điều kiện kinh tế khá giả đủ điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà C, giao 02 con chung tên Đỗ T, sinh ngày 03/02/2012 và Đỗ T1, sinh ngày 26/7/2019 cho ông Đỗ B trực tiếp nuôi dưỡng

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C, ông B không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương C phải chịu
Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Trương C được ly hôn với ông Đỗ B.

2. *Về con chung:* Giao 02 con chung tên Đỗ T, sinh ngày 03/02/2012 và Đỗ T1, sinh ngày 26/7/2019 cho ông Đỗ B trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Trương C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011981 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND P. L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Thiều

**Nguyễn Việt
Thành**

Ung Thị Ngọc Thanh

